

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP

NĂM 2024

Số: **0 5 7 1** /BC - CMV

Hà Nội, ngày **19** tháng **3** năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100015 đăng ký lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/01/2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm, năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.031.041.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm ba mươi một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu đồng*). Chủ sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04- 36647515 Fax: 04-36647493 Website: www.cmv.vn
- Mã cổ phiếu: MVB.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cổ phần hóa Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ 01/10/2015. Tổng công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 28/01/2016. Cổ phiếu của Tổng công ty với mã chứng khoán MVB chính thức niêm yết trên sàn giao dịch HNX từ ngày 28/10/2020.

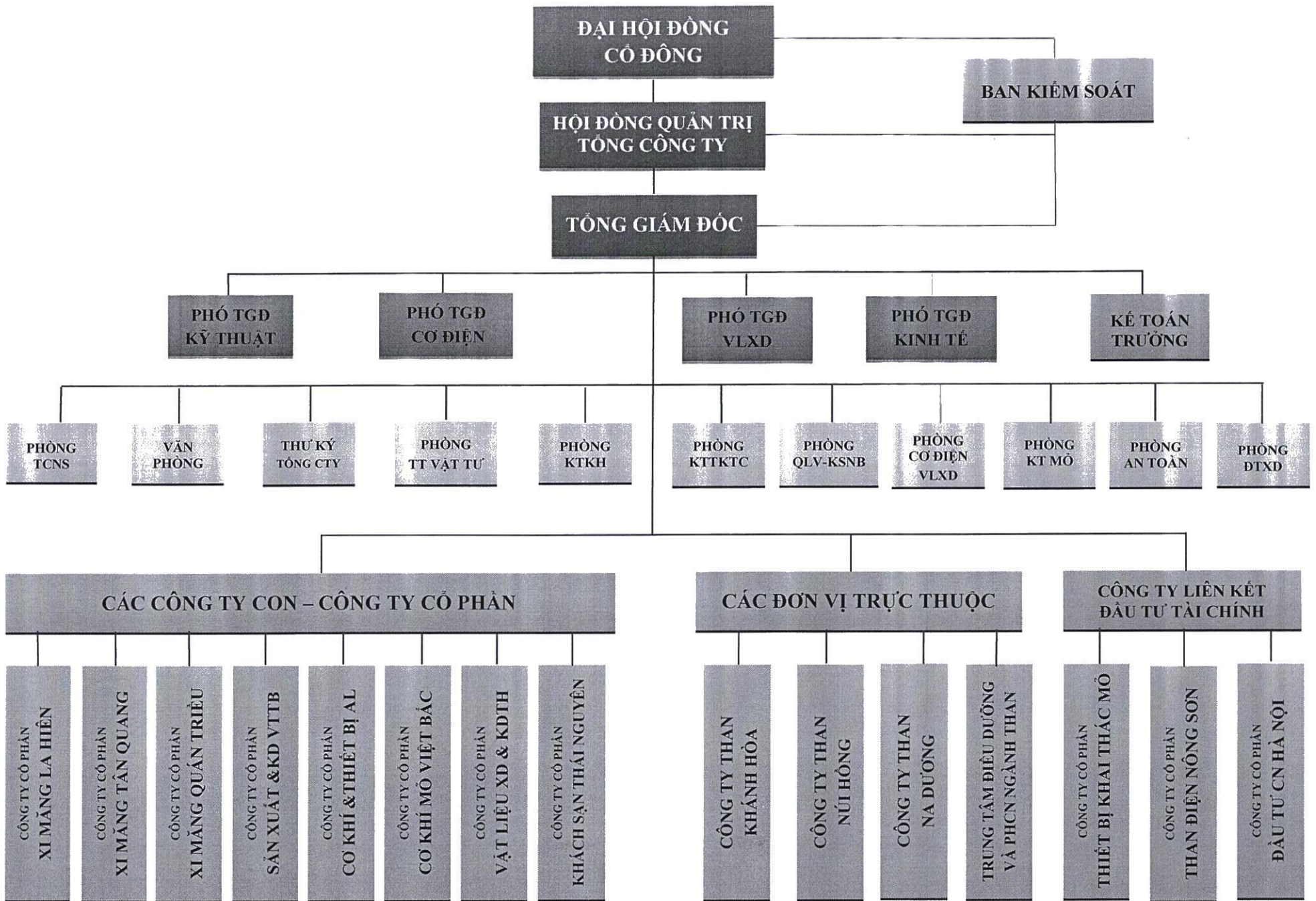
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác và thu gom than; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí và kinh doanh tổng hợp.
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Hà Nam, Thanh Hóa và các tỉnh phía bắc: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lào Cai, Hà Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: xây dựng ban hành các quy chế quản lý mọi hoạt động của Tổng công ty, kinh doanh đúng pháp luật, tăng trưởng phát triển doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị 05 người (trong đó có 01 Thành viên độc lập HĐQT), Ban kiểm soát 03 người. Các Thành viên HĐQT, Ban KS do Đại hội đồng cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành:
 - + Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.
 - + Các phòng chức năng có 10 phòng quản lý nghiệp vụ.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có 04 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, 08 Công ty con là công ty cổ phần và 03 Công ty liên kết, đầu tư tài chính (theo sơ đồ tổ chức dưới đây):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Đối với sản phẩm than**

Duy trì và mở rộng tối đa biên giới khai thác theo cả chiều sâu và chu vi ruộng mỏ đối với các Mỏ than Khánh Hòa, Na Dương và Núi Hồng để khai thác ổn định lâu dài:

a) Mỏ than Núi Hồng: Đề phù hợp với nhu cầu tiêu thụ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, sản lượng than khai thác phần lộ thiên của mỏ sẽ duy trì mức 300.000 - 400.000 tấn/năm.

b) Mỏ than Na Dương: Đầu tư mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm để khai thác đáp ứng được nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương I và II với công suất 200 MW phù hợp với tiến độ của Nhà máy.

c) Mỏ than Khánh Hòa: Tập trung công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện công tác đền bù GPMB hết sức khó khăn và chi phí GPMB lớn, giá thành khai thác cao; Tổng công ty sẽ tính toán, cân đối khai thác với sản lượng hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và một phần hoặc cung cấp đủ than cho các nhà máy xi măng trong Tổng công ty.

- **Đối với các sản phẩm của các công ty con (Công ty cổ phần)**

* *Sản phẩm xi măng*: Phát huy công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

* *Sản phẩm cơ khí*: Nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, đầu tư các thiết bị gia công cơ khí có độ chính xác cao, đảm bảo cung ứng phụ tùng cho sản xuất than, khoáng sản, điện, xi măng và sản xuất khác trong ngành và vươn ra thị trường ngoài ngành. Đầu tư chiều sâu để cơ khí sửa chữa đảm đương được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đủ sức sửa chữa các thiết bị tiên tiến yêu cầu kỹ thuật cao.

* *Sản xuất khác*: Kết hợp cả đầu tư chiều sâu và chiều rộng để phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của Tổng công ty, Tập đoàn đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chú trọng phát triển những sản phẩm hiện có như: vỏ bao xi măng, vỏ bao alumin, sản phẩm khai thác đá các loại, đất sét, v.v.....

II. Tình hình hoạt động năm 2023:

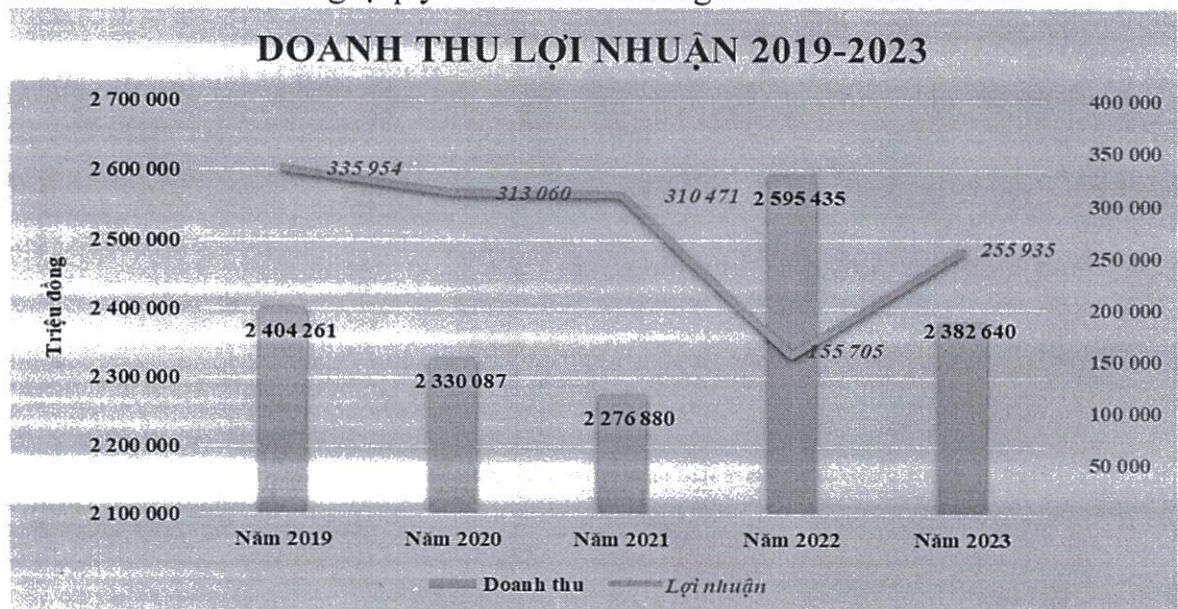
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
+	Than nguyên khai	1.000 tấn	1.335	1.307	97,90
+	Bóc đất đá	1.000 m ³	11.810	12.213	103,42

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)
+	Than sạch sản xuất	tấn	1.470	1.424	96,86
+	Than tiêu thụ	tấn	1.470	1.395	94,92
2	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.050.000	1.050.000	100,00
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.108.414	2.382.640	113,00
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	248.608	255.935	102,94
5	Nộp thuế TNDN	Tr.đ	41.533	42.423	102,14
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	207.075	213.512	103,10
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	≥ 9%	10%	111,11
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	49.934	47.295	94,71

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga-Ukraine diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid-19. Trong nước, doanh nghiệp hoạt động khó khăn, giá nhiên liệu biến động, nhiều động lực tăng trưởng chậm lại, kim ngạch xuất khẩu giảm, nợ xấu có xu hướng tăng, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Bộ máy điều hành Tổng công ty với sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ và người lao động, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã tích cực triển khai các giải pháp linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn; thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong nước, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bằng những quyết sách đúng đắn, các giải pháp đồng bộ và công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã có hiệu quả rõ rệt, đạt và vượt cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 đề ra.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2023, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước đại cổ đông, đã vượt qua những khó khăn, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Với những kết quả đạt được trong công tác quản lý và sản xuất, bộ máy điều hành Tổng công ty đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của Tổng công ty, đưa Tổng công ty ngày càng ổn định và phát triển lớn mạnh. Đã tập trung giải quyết được một số công việc trọng tâm như sau:

- Từ Tổng công ty đến các đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng và luân chuyển cán bộ đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ. Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý, điều hành giai đoạn 2020–2025 đã được các cấp phê duyệt. Tổng công ty tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt. Lao động tuyển mới chủ yếu thay thế lao động nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động. Chất lượng và ngành nghề đào tạo của lao động tuyển mới cơ bản đảm bảo yêu cầu, đáp ứng kịp thời cho sản xuất, không tuyển dụng lao động chưa qua đào tạo vào làm việc tại các đơn vị.

- Các đơn vị trong Tổng công ty đã thực hiện các nhóm giải pháp về thu hút người lao động có tài năng, tay nghề, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao như ban hành các quy định về trả lương lũy tiến, trả lương giờ, trả lương gắn với công tác quản lý lao động, quy định về chế độ khuyến khích, đãi ngộ với lao động có tay nghề cao, trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Trịnh Hồng Ngân: Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 14.700 cổ phần.
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

2) Vũ Minh Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Kỹ sư khai thác mỏ

- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI.
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ.
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Than Điện Nông Sơn-TKV.

3) Nguyễn Văn Dũng: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu : Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sản xuất và KD VTTB-VVMI.

4) Phạm Thanh Hải: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu xây dựng và KDTH-VVMI.

5) Nguyễn Thạc Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp; Kỹ sư Khai thác Mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 2.300 cổ phần.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên-VVMI.

6) Lê Minh Hiền: Kế toán trưởng Tổng công ty

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế; Cử nhân kế toán, Kỹ sư Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và tiền lương bình quân:

- Tổng số cán bộ, người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đến 31/12/2023 là 1.748 (Công ty than Núi Hồng: 531 người; Công ty than Khánh Hòa: 592 người; Công ty than Na Dương: 513 người; Trung tâm điều dưỡng ngành than: 19 người; Cơ quan Tổng công ty: 93 người)

- Tiền lương bình quân của người lao động năm 2023: 13.295.000 đồng/người-tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng năm 2023:

Năm 2023, giá trị thực hiện đầu tư là 47.264 triệu đồng bằng 94.65% kế hoạch năm. Trong năm 2023 các đơn vị sản xuất than đã thực hiện đầu tư các công trình xây dựng và các thiết bị phục vụ sản xuất như:

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023.
- Dự án Sân than thành phẩm - Công ty than Khánh Hòa.
- Dự án Tuyến đường từ nhà điều hành đến Phân xưởng cơ điện-Công ty than Khánh Hoà.
- Dự án Đường bê tông (Đoạn từ trạm rửa xe đến trạm cân tiêu thụ than)-Công ty than Khánh Hoà.

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023-Công ty than Khánh Hòa.

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2023-Công ty than Na Dương.

- Dự án đầu tư hệ thống chống bụi kho than-Công ty than Na Dương.

Các dự án được triển khai khẩn trương đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành, các công trình đưa vào sử dụng đều đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, cũng như từng bước thay thế các thiết bị hết khấu hao.

3.2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn:

* Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng:

Tổng công ty phối hợp với Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp-Vinacomin thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng. Dự án có công suất thiết kế 500.000 tấn TNK/năm, tuổi thọ mỏ 16 năm.

Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng được TKV thông qua, Tổng công ty sẽ làm việc với cơ quan hữu quan của tỉnh Thái Nguyên để thực hiện: (1) xin chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh; (2) lập quy hoạch chi tiết XD; (3) xin chấp thuận phương án sử dụng đất; (4) trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; (5) Trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; (6) trình cấp thẩm quyền (Hội đồng quản trị Tổng công ty) phê duyệt Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

* Điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa:

Thực hiện chỉ đạo của TKV tại Văn bản số 2254/TKV- KCM ngày 26/5/2021 Tổng công ty đã phối hợp đơn vị Tư vấn lập điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hoà để phù hợp với thực tế công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế của Dự án và phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023. Dự án có công suất thiết kế 450.000 tấn TNK/năm, tuổi thọ mỏ 26 năm (năm 2013 ÷ 2038).

Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hoà được TKV thông qua, tương tự như mỏ Núi Hồng, Tổng công ty sẽ thực hiện: (1) xin chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh. (2) lập quy hoạch chi tiết xây dựng, (3) xin chấp thuận phương án sử dụng đất, (4) trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (5) Trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (6) trình cấp thẩm quyền (Hội đồng quản trị Tổng công ty) phê duyệt Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hoà.

** Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương:*

Khẩn trương hoàn thành việc xin cấp Giấy phép khai thác của dự án, tiếp thu và thực hiện yêu cầu của Cục Khoáng sản Việt Nam. Tổng công ty đã nộp hồ sơ xin điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và đồng thời với công việc trên, Tổng công ty đã chỉ đạo Công ty than Na Dương phối hợp với các phòng ban của Tổng công ty bám sát các Sở ban ngành tỉnh Lạng Sơn để báo cáo giải trình kịp thời và hoàn thiện Hồ sơ xin cấp phép theo các nội dung tại văn bản số 268/KSVN-TĐHS ngày 26/01/2024 của Cục Khoáng sản Việt Nam.

** Những vướng mắc khó khăn trong việc thực hiện các dự án đầu tư:*

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tại mỏ than Na Dương đang gặp vướng mắc về quy chế chuyển đổi đất lúa, đất rừng thành đất khai thác khoáng sản. Mặc dù Công ty than Na Dương đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải trình với bộ Tài Nguyên môi trường và bộ Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đến nay chưa được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ mở rộng khai trường sản xuất và đổ thải tại Công ty than Khánh Hoà gặp rất nhiều khó khăn, không thực hiện được do chưa bố trí được đất tái định cư tập trung cho các hộ dân. Lãnh đạo Tổng Công ty đã chỉ đạo sát sao Công ty than Khánh Hoà và đã trực tiếp họp, làm việc lãnh đạo Thành ủy, UBND thành phố Thái Nguyên để tháo gỡ khó khăn trong công tác đền bù GPMB và bố trí tái định cư tập trung cho các hộ dân thuộc các phương án bồi thường giải phóng mặt bằng tại mỏ than Khánh Hoà.

3.3. Đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết:

a) Đầu tư vào công ty con:

TT	Công ty con	Vốn điều lệ (1000 đ)	Tỷ lệ góp	Doanh thu SXKD	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty CP Cơ khí và TBAL-VVMI	12 000 000	51%	446.430.469.162	3.767.880.027
2	Công ty CP SX& KD VTTB-VVMI	12 500 000	51%	333.181.989.998	3.761.761.369
3	Công ty CP VLXD và KDTH-VVMI	7 500 000	51%	34.622.145.007	523.081.890
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	10 080 000	51%	139.715.873.702	2.280.830.983
5	Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	250 000 000	84.91%	618.108.754.521	30.260.866.227
6	Công ty CP KS Thái Nguyên-VVMI	7 500 000	51%	25.871.238.479	84.151.665

TT	Công ty con	Vốn điều lệ (1000 đ)	Tỷ lệ góp	Doanh thu SXKD	Lợi nhuận trước thuế
7	Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	120 000 000	51.38%	659.208.559.383	60.232.915.230
8	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	350 000 000	57.14%	869.175.594.132	54.372.721.185

b) Đầu tư vào công ty liên kết:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	6 000	29%	

c) Đầu tư dài hạn khác:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Than điện Nông Sơn	140 000	10.80%	
2	Công ty CP Đầu tư CN Hà Nội	100 000	1.5%	

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính (Từ 01/01/2022 – 31/12/2023):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (Công ty mẹ)	Năm 2022 (Công ty mẹ)	Tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.930.452.354.605	2.044.512.075.921	-5,58
2	Doanh thu thuần	2.382.640.186.046	2.544.012.239.780	- 6,34
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	256.302.327.143	156.981.911.507	63,27
4	Lợi nhuận khác	- 367.346.713	-1.277.319.378	71,12
5	Lợi nhuận trước thuế	255.934.980.430	155.704.592.129	64,37
6	Lợi nhuận sau thuế	213.512.216.343	131.582.799.172	62,26
7	Tỷ lệ trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2023 (Công ty mẹ)	Thời điểm 31/12/2022 (Công ty mẹ)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,19	2,3
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,47	1,93
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,19	0,27
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,36
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho	11	16
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,05
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,08
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,11	0,06
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,06

c. Tình hình tài sản công ty mẹ:

Tài sản của công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV –CTCP tại thời điểm 1/1/2023 là: 2.044.512.075.921 đồng, tại thời điểm 31/12/2023 là 1.930.452.354.605 đồng.

Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2023 là 270.313.195.779 đồng, trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 200.000.000 đồng.

d. Tình hình nợ phải trả công ty mẹ:

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 360.574.584.027 đồng. Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn là 338.693.703.635 đồng

+ Nợ dài hạn là 21.880.880.392 đồng

+ Không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng xấu của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính (BC hợp nhất)

1. Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH: 0,52
2. Hệ số bảo toàn vốn: 1,04
3. Tỷ suất lợi nhuận: ROE = 14,33% ROA = 9,44%
4. Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,29
5. Hệ số thanh toán nhanh: 0,83
6. Doanh thu, chi phí, kết quả:

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.887.887.393.320	5.478.137.241.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	4.582.870.162	2.488.262.453
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.883.304.523.158	5.475.648.978.823
4. Giá vốn hàng bán	11	4.046.000.855.299	4.668.548.896.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	20	837.303.667.859	807.100.082.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.448.778.056	13.693.673.265
7. Chi phí tài chính	22	53.889.295.749	82.349.699.477
Trong đó: Lãi vay phải trả	23	45.460.059.399	74.341.346.501
8. Chi phí bán hàng	25	106.096.632.440	105.131.666.343
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	340.157.918.184	347.674.412.101
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30	362.608.599.542	285.637.977.732
11. Thu nhập khác	31	4.382.853.241	1.628.847.285
12. Chi phí khác	32	2.880.441.777	7.315.510.007
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	1.502.411.464	(5.686.662.722)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	364.111.011.006	279.951.315.010
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	68.651.141.311	50.520.487.742
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	1.912.772.878	(1.338.896.419)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	293.547.096.817	230.769.723.687
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	243.600.302.117	174.040.402.355
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	49.946.794.700	56.729.321.332
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.320	1.310
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

e. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 105.000.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần). Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 1.895.900 cổ phần, số còn lại: 103.104.100 cổ phần thuộc sở hữu nhà nước là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,194%
2	Cổ đông pháp nhân trong nước	5 000	0,005%
3	Cổ đông thể nhân trong nước	1 820 679	1,734%
4	Cổ đông là thể nhân nước ngoài	70 221	0,067%
	Tổng cộng	105 000 000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Địa chỉ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103.104.100	98,194%	Số 226 Đường Lê Duẩn - Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi trong kỳ báo cáo.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có đợt phát hành chứng khoán khác trong kỳ

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

*** 6.1. Tác động lên môi trường:**

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính cụ thể như sau:

- Hàng năm thực hiện tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho các cán bộ công nhân viên.
- Trồng cây phủ xanh tại các khu vực đất trống ở công trường, bãi thải, khu vực văn phòng làm việc, tuyến đường giao thông.
- Duy tu bảo dưỡng thường xuyên, cải tiến các thiết bị máy móc đảm bảo kỹ thuật, an toàn và giảm thiểu tiếng ồn, giảm phát thải.
- Định kỳ bảo dưỡng, cải tiến các thiết bị xử lý bụi, khí thải như hệ thống xử lý lọc bụi túi vải, tĩnh điện; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải tại các khu vực phát sinh để giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.
- Thường xuyên tưới đường, vận hành hệ thống phun sương trong và ngoài khu vực sản xuất.

6.2. Quản lý nguồn nguyên nhiên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên nhiên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm (sản xuất khai thác than): 475.299.974.843 đồng.

- Dầu diezen thiết bị khai thác than: 17.748.462 lít (tương ứng 330.436.998.671 đồng);

- Xăng ô tô các loại: 54.652 lít (tương ứng 1.197.104.441 đồng);

- Nguyên vật liệu khác tương ứng 143.665.871.731 triệu đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên nhiên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không tái chế và được bán cho đơn vị có chức năng tái chế để đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp các đơn vị sản xuất than thuộc Công ty mẹ và Văn phòng Tổng công ty năm 2023 là: 15.543.021 kW

6.4. Tiêu thụ nước: Trong năm 2023 lượng nước tiêu thụ dùng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 133.713 m³; nguồn cung cấp nước được mua từ các đơn vị kinh doanh nước sạch trên địa bàn, hồ chứa nước mặt, nước giếng khoan.

- Lượng nước dùng cho sản xuất phục vụ tưới đường giảm bụi: 340.833 m³; nguồn nước được lấy từ suối, nước moong chứa, hồ tự nhiên hiện có.

- Lượng nước phục vụ cho phun sương dập bụi: 73.150 m³; nguồn nước được lấy từ moong chứa, hồ chứa và sau xử lý của công ty môi trường.

- Lượng nước tái chế sử dụng phục vụ cho việc rửa xe: 1.741 m³; nguồn nước được lấy sau xử lý của trạm xử lý nước thải rửa xe.

- Lượng nước sử dụng trong sinh hoạt được thu gom qua các hệ thống bể lắng và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Các nguồn nước dùng cho rửa xe và vệ sinh mặt bằng sân công nghiệp...đều được thu gom, xử lý qua các hệ thống đạt quy chuẩn để tái sử dụng hoặc xả thải ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Tổng lượng nước tái chế tái sử dụng là 1.741 m³ (lượng nước tái sử dụng này ở tại trạm xử lý nước thải rửa xe của Công ty than Núi Hồng); tỷ lệ phần trăm tái chế tái sử dụng là 100%.

*** Đánh giá liên quan đến môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải):**

- Tiêu thụ nước: Lượng nước sinh hoạt sử dụng được mua từ các Công ty có chức năng được phép cung cấp như Công ty CP Nước sạch Thái Nguyên, Công ty CP VIWACO, Xí nghiệp khai thác công trình Thủy Nông của huyện Lộc Bình – Lạng Sơn. Lượng nước bơm từ giếng khoan có giấy phép khai thác và không làm ảnh hưởng đến mực nước trong khu vực.

- Nguồn năng lượng tiêu thụ: Đơn vị sử dụng chủ yếu là điện năng, các đơn vị luôn ý thức tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng các thiết bị trong giờ cao điểm.

- Về khí thải và rác thải trong sản xuất kinh doanh của đơn vị: Khí thải được phát sinh từ ô tô, máy xúc, máy gặt..., để hạn chế lượng khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường Tổng công ty luôn thực hiện việc bảo dưỡng, trung đại tu và thay

thể thiết bị theo định kỳ nhằm làm giảm độ rung, tiếng ồn và lượng khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

- Rác thải gồm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại; Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày tập kết tại các nơi quy định và hàng năm ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là đất đá thải sinh ra từ việc khai thác than, lượng đất đá thải này được vận chuyển và đổ thải theo đúng thiết kế của dự án đã được duyệt.

+ Chất thải nguy hại: Được thu gom phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, có biển báo, dán tem nhãn chi tiết cho từng loại chất thải và được bảo quản theo quy định. Hàng năm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý qua các hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

6.5. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với sự phát triển bền vững của các đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng chi phí cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2023 tại các đơn vị khai thác than là 54,312 tỷ đồng, Trong đó:

- Chi phí môi trường thường xuyên là 4,165 tỷ đồng;

- Chi phí xử lý nước thải khai trường mỏ là 50,146 tỷ đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

Do đặc thù là ngành sản xuất khai thác than, người lao động thường xuyên phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ lao động và môi trường độc hại, nên nguy cơ xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp là rất lớn. Vì vậy, hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty đều xây dựng kế hoạch về bảo hộ lao động với các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện bảo hộ lao động. Thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại trong quá trình sản xuất, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Chính sách về phúc lợi cho người lao động: Hằng năm, Tổng công ty đều tổ chức cho CBNLĐ được đi tham quan, nghỉ mát; tổ chức cho người lao động sức khỏe yếu, có thành tích trong công tác ... được nghỉ điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng của TKV (trong đó ưu tiên với NLĐ làm việc trong hầm lò và làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại). Đối với các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh bụi phổi được khám, điều trị bệnh nghề nghiệp, rửa phổi tại Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam và được nghỉ điều dưỡng sau rửa phổi tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn (năm 2023 có 01 trường hợp)

Thực hiện việc tăng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Có chế độ khen thưởng tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả đóng góp của người lao động...

Chính sách tiền lương: Tổng Công ty Công ty nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã ban hành quy chế về quản lý lao động tiền lương dựa trên các căn cứ quy định của nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Trả lương căn cứ vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, không hạn chế mức tối đa đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có đóng góp nhiều cho đơn vị. Phân phối tiền lương đảm bảo công khai, công bằng hợp lý cho từng người, từng bộ phận lao động. Ngoài việc trả lương theo thời gian, khoán sản phẩm, công việc cho người lao động, Tổng công ty còn áp dụng hình thức bổ sung tiền lương để khuyến khích người lao động làm việc đủ và vượt ngày công lao động định mức, đảm bảo an toàn, tăng năng suất lao động (lũy tiến), tiết kiệm chi phí; bổ sung tiền lương cho NLĐ vào dịp lễ, tết, ngày thành lập đơn vị ... Chính sách trả lương đã khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chính sách bảo hiểm: Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

Chính sách khác: Tổng công ty xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của Nhà nước cụ thể như: Thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống tinh thần, chế độ cho người lao động, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trong Tổng công ty, giao lưu với các đơn vị bạn và với địa phương nơi đóng quân. Tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi bị ốm đau, hiếu hi...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các địa phương nơi có Công ty con, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đóng quân trên địa bàn.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

1. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2023 Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có nhiều khó khăn, đó là:

- Khó khăn về việc xin cấp phép khai thác các mỏ than, công tác đền bù GPMB phục vụ sản xuất có nhiều vướng mắc do thay đổi cơ chế, chính sách, điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu, cung độ vận chuyển xa v,v...

- Chất lượng than Na Dương độ tro Ak cao; dừng khai thác hầm lò tại mỏ Khánh Hòa do thủ tục giấy phép. Công tác tiêu thị xi măng chậm do thị trường cung lớn hơn cầu.

Dưới sự chỉ đạo thống nhất trong hệ thống chính trị của Tổng công ty và sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, của chính quyền các địa phương nơi các đơn vị của Tổng công ty đóng trên địa bàn, sự đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm chi phí của tập thể người lao động nên Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023:

+ Về khai thác và tiêu thụ than: Khai thác than đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu than cho các nhà máy điện, xi măng và cung cấp cho thị trường.

+ Về sản xuất, tiêu thụ xi măng: Các công ty xi măng của Tổng công ty đã tăng cường công tác quản lý và vận hành thiết bị, bám sát thị trường tiêu thụ, làm tốt công tác tiếp thị thị trường, linh hoạt trong việc quyết định giá bán; thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong SXKD.

+ Các công ty sản xuất, kinh doanh khác: Đã có nhiều giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên vật liệu, điện năng, chi phí quản lý v.v... nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, đảm bảo được hiệu quả SXKD.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Tổng công ty:

- Ban điều hành đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ theo đúng Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các quy định của pháp luật; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, có nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các quy định công bố thông tin đối với Công ty niêm yết đã đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Đối với các cán bộ quản lý không phát hiện các dấu hiệu vi phạm quy chế quản trị của Tổng công ty và các văn bản quy định của pháp luật. Đa số cán bộ quản lý trong Tổng công ty đều hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao,

- Các Phó Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ Tổng giám đốc phân công, cùng với Tổng giám đốc quản lý, điều hành Tổng công ty hoàn thành các chỉ tiêu SXKD. Phát huy tốt năng lực, phẩm chất, trách nhiệm, nêu cao tinh thần đoàn kết, kỷ luật, luôn bảo vệ lợi ích của Tổng công ty.

- Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT các công ty con đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2023, bảo toàn và phát triển vốn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

1) Chỉ đạo Bộ máy điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất cho người và thiết bị. Sản xuất than và xi măng theo kế hoạch và đáp ứng nhu cầu thị trường, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.

2) Tiếp tục rà soát để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Tổng công ty làm cơ sở cho công tác quản trị, quản lý, điều hành được chặt chẽ, hạn chế rủi ro, tạo sự chủ động trong điều hành của Ban Tổng giám đốc. Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, phấn đấu đạt và vượt mức các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tăng cường triển khai áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tin học hóa, tự động hóa trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

3) Triển khai đề án cơ cấu lại Tổng công ty đến năm 2025 khi được Tập đoàn (TKV) thông qua. Chỉ đạo các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tái cơ cấu nội bộ để tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh.

Căn cứ vào quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 - 2025, tập trung đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ trong diện quy hoạch và phát hiện những cán bộ có năng lực để tiếp tục bổ sung vào quy hoạch giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025 - 2030

đảm bảo tính kế thừa, đủ số lượng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Tổng công ty.

Có cơ chế tuyển dụng lao động chất lượng cao vào làm việc tại Tổng công ty. Tăng cường công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý.

Chú trọng đến công tác tổ chức bộ máy quản lý tinh giảm gọn nhẹ, tái cấu trúc lao động toàn Tổng công ty theo hướng tăng năng suất lao động.

4) Công tác đầu tư phát triển:

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án khai thác lộ thiên Mỏ than Khánh Hòa điều chỉnh và dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Hồng

+ Thực hiện đầu tư duy trì các mỏ than và đầu tư chiều sâu các nhà máy xi măng, cơ khí v.v... theo kế hoạch năm 2024 và các năm tiếp theo để đáp ứng yêu cầu của sản xuất, phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư.

+ Thực hiện các phương án đền bù GPMB tại các Mỏ than Na Dương, Núi Hồng, Khánh Hòa đúng tiến độ, đúng các quy định của Nhà nước.

+ Chỉ đạo các công ty xi măng đầu tư thiết bị hoạt động ổn định để nâng cao năng suất và kiểm soát được các chỉ tiêu, thông số quy định về đảm bảo môi trường.

5) Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các Công ty con để giám sát hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của các cổ đông, đảm bảo an toàn về tài chính và minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định. Chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy chế kiểm toán nội bộ đã ban hành nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị để Tổng công ty đạt được mục tiêu trong SXKD.

6) Chỉ đạo thực hiện công tác môi trường trong Tổng công ty theo đúng quy định, thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt. Vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại, vệ sinh môi trường mặt bằng sản xuất, mặt bằng sân công nghiệp v.v... Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy chế, nội quy, quy trình các biện pháp kỹ thuật ATLĐ-VSLĐ-PCCN. Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất, đầu tư các thiết bị tiên tiến nâng cao mức độ an toàn, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Phấn đấu không để xảy ra TNLĐ chết người và sự cố loại I, loại II theo phân loại sự cố của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt nam.

7) Kế hoạch năm 2024 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	1000 Tấn	1.126
	- Bóc đất đá	1000 m ³	9.970
	- Than sạch sản xuất và nhập khẩu	1000 Tấn	1.400
	- Than tiêu thụ	1000 Tấn	1.400
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.050.000
3	Tổng doanh thu	"	2.570.890

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
4	Lợi nhuận trước thuế	"	300.762
5	Nộp thuế TNDN	"	60.152
6	Lợi nhuận sau thuế	"	240.610
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 9%
9	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	88.444

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị 05 người gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc, 02 Thành viên khác và 01 Thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu.

- Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị năm 2023:

1) Ông Lê Quang Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư máy mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 103.104.100 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa chất Việt Bắc-TKV.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa-TKV.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sắt Thạch Khê.

2) Ông Trịnh Hồng Ngân - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc:

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

3) Ông Đặng Văn Tùng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

4) Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

5) Ông Phạm Văn Lỗ: Thành viên độc lập HĐQT

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 1957
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: thành lập khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và tự giải thể khi kết thúc đại hội.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện quản trị Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các Quy chế, quy định khác đảm bảo lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý, chỉ đạo, giám sát của HĐQT.

- Ban hành các nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các công ty

- Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, tùy theo nội dung cuộc họp, HĐQT đều mời các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng có liên quan và người đại diện vốn của Tổng công ty tại công ty có vốn góp tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến.

- Phối hợp chặt chẽ với BKS, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS. Mời họp và gửi các tài liệu cuộc họp HĐQT đến các BKS theo đúng quy định như đối với Thành viên HĐQT, tôn trọng ý kiến của BKS tham dự cuộc họp của HĐQT.

- Có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các công ty con gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Số buổi họp HĐQT và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Quang Bình	33	100%	
2	Đặng Văn Tùng	33	100%	
3	Vũ Minh Tân	33	100%	
4	Trịnh Hồng Ngân	33	100%	
5	Phạm Văn Lễ	33	100%	

- Số văn bản nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty năm 2023:

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
1	16/01	04/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PHKD quý I/2023	100%
2	16/01	05/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 059/TKV-KCM ngày 09/01/2023	100%
3	3/02	09/NQ-HĐQT	Thông qua việc tuyển dụng lao động năm 2023	100%
4	3/02	10/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh phương án Đền bù GPMB phía Nam bãi thải Tây (khu vực xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà)	100%
5	3/02	11/NQ-HĐQT	Thông qua các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch PHKD năm 2023 của Tổng Công ty	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
6	3/02	12/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD chỉ đạo báo cáo xin ý kiến trước khi biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2023	100%
7	3/02	13/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TGD TKV tại văn bản số 0296/TKV-KH ngày 31/01/2023	100%
8	3/02	14/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2023 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
9	3/02	15/QĐ-HĐQT	Tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2023	100%
10	3/02	16/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh phương án Đền bù GPMB phía Nam bãi thải Tây (khu vực xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà)	100%
11	24/02	18/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
12	24/02	19/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung biểu quyết các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 các Công ty con	100%
13	24/2	20/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ	100%
14	27/02	21/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
15	7/3	31/NQ-HĐQT	Thông qua thành lập Ban tổ chức và tiểu ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
16	7/3	32/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023	100%
17	7/3	33/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh phương án Bồi thường GPMB mở rộng khai trường SX giai đoạn III- Công ty than Na Dương	100%
18	9/3	34/QĐ-HĐQT	Phê duyệt dự án đầu tư thiết bị quy trì sản xuất năm 2023	100%
19	9/3	35/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP năm 2023	100%
20	9/3	36/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban kiểm tra tư cách ĐHĐCĐ thường niên TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP năm 2023	100%
21	9/3	37/QĐ-HĐQT	Thành lập tổ giúp việc Ban thư ký Đại hội Đồng cổ đông thường niên TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP năm 2024	100%
22	9/3	39/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của phương án: Bồi thường GPMB mở rộng khai trường SX giai đoạn III-Công ty than Na Dương	100%
23	20/3	41/NQ-HĐQT	Thông qua sửa đổi nội dung tại hợp đồng hợp tác trong khai thác đá, sét phục vụ SX xi măng	100%
24	20/3	42/NQ-HĐQT	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 đối với Công ty mẹ	100%
25	20/3	43/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất - Công ty than Na Dương	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
26	20/3	44/NQ-HĐQT	Thông qua tổng tiền phụ cấp chi trả cho Thành viên độc lập HĐQT	100%
27	20/3	45/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất-Công ty than Na Dương	100%
28	20/3	46/QĐ-HĐQT	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 Công ty mẹ	100%
29	20/3	47/QĐ-HĐQT	Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát chấp hành quyết định của CSH năm 2023 Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
30	31/3	51/NQ-HĐQT	Thông qua các báo cáo trình Đại hội ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
31	31/3	58/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PGHKD quý II/2023	100%
32	31/3	59/NQ-HĐQT	Thông qua ban hành danh mục chức danh, chức vụ tương đương	100%
33	31/3	60/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả đánh giá cán bộ năm 2022	100%
34	31/3	61/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát bổ sung) và giai đoạn 2025-2030	100%
35	31/3	62/NQ-HĐQT	Thông qua cử người đại diện TCT tham gia HĐQT, BKS Công ty tại một số công ty con nhiệm kỳ 2023-2028	100%
36	31/3	63/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm 01 PGĐ Công ty CP XM Quán Triều - VVMI	100%
37	31/3	64/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2023	100%
38	31/3	65/NQ-HĐQT	Giao cho TGD thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại văn bản số 1286/TKV-KCM và 1399/TKV-KCM	100%
39	31/3	66/QĐ-HĐQT	Cử Người đại diện của TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty CP XM Tân Quang -VVMI nhiệm kỳ 2023-2028	100%
40	31/3	67/QĐ-HĐQT	Ban hành danh mục chức danh, chức vụ tương đương trong TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
41	31/3	68/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quy hoạch cán bộ GD 2020-2025 (sau rà soát bổ sung) và giai đoạn 2025-2030	100%
42	31/3	69/QĐ-HĐQT	Cử người đại diện TCT tham gia HĐQT, BKS Công ty CP KS Thái Nguyên-VVMI nhiệm kỳ 2023-2028	100%
43	7/4	70/QĐ-HĐQT	Thay đổi người quản lý phần vốn của TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP tại Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
44	10/4	71/QĐ-HĐQT	Cử Người đại diện của TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS C.ty CP XM La Hiên -VVMi nhiệm kỳ 2023-2028	100%
45	14/4	75/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch của người nội bộ, người có liên quan TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
46	14/4	76/NQ-HĐQT	Thông qua hợp đồng giao dịch với Công ty CP Địa chất Việt Bắc -TKV	100%
47	14/4	77/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2023	100%
48	14/4	78/NQ-HĐQT	Thông qua chi trả thù lao cho Người đại diện của Tổng công ty tại DN năm 2022	100%
49	14/4	79/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty CP Than- Điện Nông Sơn	100%
50	14/4	80/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 505/QĐ-TKV ngày 10/4/2023	100%
51	14/4	81/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch LCNT Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023	100%
52	17/4	83/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV vốn của TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP tại Công ty CP XM La Hiên-VVMi	100%
53	18/4	85/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 1643/TKV-TN và 1645/TKV-TN ngày 14/4/2023	100%
54	18/4	86/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh phương án Bồi thường GPMB Bãi thải Nam phục vụ đổ thải và mở rộng sân than (GĐ1)- Công ty than Khánh Hòa	100%
55	21/4	87/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh Phương án: Bồi thường, GPMB mở rộng Bãi thải Nam phục vụ đổ thải và mở rộng sân than (GĐ1)-Công ty than Khánh Hòa	100%
56	21/4	89/NQ-HĐQT	Thông qua Dự án xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2023	100%
57	28/4	90/QĐ-HĐQT	Phê duyệt dự án xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2023	100%
58	4/5	93/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty CP XM La Hiên - VVMi	100%
59	4/5	94/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty CP XM Quán Triều - VVMi	100%
60	4/5	95/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD năm 2023 Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
61	4/5	96/QĐ-HĐQT	Giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2023 Công ty mẹ - TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
62	4/5	97/QĐ-HĐQT	Giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2023 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
63	4/5	98/QĐ-HĐQT	Giao kế hoạch ĐTXD năm 2023 Công ty mẹ năm 2023- TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
64	15/5	101/NQ-HĐQT	Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền	100%
65	15/5	102/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán BCTC năm 2023 Tổng công ty	100%
66	22/5	106/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2206/TKV-TN ngày 16/5/2023	100%
67	22/5	107/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	100%
68	26/5	110/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	100%
69	26/5	111/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính năm 2023	100%
70	26/5	112/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 của TCT	100%
71	26/5	113/NQ-HĐQT	Thông qua cử người đại diện của Tổng công ty tham gia HĐQT, BKS tại Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc -VVMI nhiệm kỳ 2023-2028	100%
72	26/5	114/NQ-HĐQT	Thông qua trả lại khu đất đang sử dụng làm Trạm xử lý nước thải tại Mỏ than Núi Hồng về địa phương	100%
73	26/5	115/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyển bước kế hoạch ĐTXD năm 2023	100%
74	26/5	116/QĐ-HĐQT	Cử NĐDPV của Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty CP CKM Việt Bắc VVMI, nhiệm kỳ 2023-2028	100%
75	29/5	119/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Giám đốc Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc -VVMI	100%
76	12/6	121/NQ-HĐQT	Thông qua hợp đồng giao dịch với Công ty CP Địa chất Việt Bắc -TKV	100%
77	12/6	122/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện quyền cổ đông của TCT tại Công ty CP Đầu tư công nghiệp Hà Nội- Vinacomin	100%
78	12/6	123/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận lao động	100%
79	12/6	124/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm PGĐ Công ty CP XM La Hiên - VVMI	100%
80	30/6	127/NQ-HĐQT	Thông qua kế hoạch LCNT dự án Đầu tư xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2023	100%
81	30/6	128/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh mục chi thưởng thành tích, công tác tổ chức Hội thi thợ giỏi trong KH sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
82	30/6	129/NQ-HĐQT	Thông qua giao đơn giá tiền lương năm 2023 Công ty mẹ	100%
83	30/6	130/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý III/2023	100%
84	30/6	131/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ của Tổng công ty	100%
85	30/6	132/NQ-HĐQT	Thông qua cử NĐDPV của Tổng công ty tại một số Công ty cổ phần	100%
86	30/6	133/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV	100%
87	3/7	134/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch LCNT dự án Đầu tư xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2023	100%
88	3/7	135/QĐ-HĐQT	Giao đơn giá tiền lương năm 2023 Công ty mẹ	100%
89	3/7	136/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty CP Sản xuất & KD VTTB - VVMI	100%
90	3/7	137/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty CP Cơ khí & TBAL - VVMI	100%
91	3/7	138/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV của Tổng Công ty tại Công ty CP Vật liệu XD & KDTH - VVMI	100%
92	3/7	139/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	100%
93	3/7	140/QĐ-HĐQT	Thay đổi NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	100%
94	31/7	147/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 Phó giám đốc Công ty CP XM La Hiên-VVMI	100%
95	31/7	148/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty CP XM Quán Triều-VVMI	100%
96	31/7	149/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án Bồi thường GPMB nắn suối Tổng Già-Công ty than Na Dương	100%
97	31/7	150/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyển bước kế hoạch ĐTXD năm 2023	100%
98	31/7	151/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo rà soát lại các định mức cho các thiết bị khai thác, vận tải	100%
99	31/7	152/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD thực hiện theo chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3544/TKV-KCM ngày 25/7/2023	100%
100	2/8	153/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án bồi thường GPMB nắn suối Tổng Già-Công ty than Na Dương	100%
101	7/8	155/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD thực hiện theo chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3740/TKV-KCM,TN ngày 03/8/2023	100%
102	7/8	156/NQ-HĐQT	Thông qua việc tổ chức cho cán bộ, người lao động Công ty mẹ-Tổng công ty đi tham quan du lịch nước ngoài	100%
103	14/8	159/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
104	30/8	162/NQ-HĐQT	Thông qua kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Tổng công ty	100%
105	30/8	163/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	100%
106	5/9	165/QĐ-HĐQT	Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
107	5/9	167/NQ-HĐQT	Tiếp nhận lao động	100%
108	18/9	170/NQ-HĐQT	Thông qua việc ký hợp đồng thuê tài sản	100%
109	18/9	171/NQ-HĐQT	Thông qua phương án cấp cầm sét mỏ than Na Dương cho Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa-TKV tiêu thụ thử nghiệm	100%
110	19/9	172/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
111	27/9	175/NQ-HĐQT	Thông qua rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030	100%
112	27/9	176/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại PGĐ Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	100%
113	27/9	177/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý IV/2023	100%
114	4/10	180/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD thực hiện theo chỉ đạo của TKV tại văn bản số 205/CT-TKV và 4757/TKV-KH ngày 29/9/2023	100%
115	12/10	185/NQ-HĐQT	Thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan	100%
116	12/10	186/NQ-HĐQT	Thông qua không đồng ý việc Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ thành lập Chi nhánh	100%
117	25/10	189/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023-2024	100%
118	25/10	190/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023-2024	100%
119	25/10	191/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023-2024	100%
120	7/11	193/NQ-HĐQT	Thông qua đồng ý cho Công ty CP XM La Hiên mua vật tư và phê duyệt trong kế hoạch PHKD năm 2023	100%
121	7/11	194/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại PGĐ Công ty than Núi Hồng-VVMI	100%
122	7/11	195/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh kế hoạch chi hỗ trợ cho huyện Đại Từ xây dựng nông thôn mới	100%
123	7/11	196/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận lao động	100%
124	7/11	197/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Tân Quang-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023-2024	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
125	7/11	198/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho công ty CP XM Tân Quang-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023-2024	100%
126	7/11	199/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 1839/QĐ-TKV ngày 02/11/2023	100%
127	8/11	200/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý cán bộ Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
128	8/11	201/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế xuất cảnh đối với cán bộ, người lao động Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
129	27/11	203/NQ-HĐQT	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần thứ 01 năm 2023 của Công ty CP XM La Hiên-VVMI	100%
130	27/11	204/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty CP Sản xuất và kinh doanh VTTB-VVMI	100%
131	27/11	205/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận lao động	100%
132	4/12	208/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh tên, địa điểm xây dựng dự án đối với dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương	100%
133	4/12	209/NQ-HĐQT	Thông qua dự án nâng cấp hệ thống tự động hóa (DCS) dây chuyền II-Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	100%
134	4/12	210/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh tên, địa điểm xây dựng dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương	100%
135	11/12	212/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ, sản phẩm ngoài than, khoáng sản trong các công đoạn sản xuất, chế biến, tiêu thụ	100%
136	21/12	214/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty CP Sản xuất và kinh doanh VTTB-VVMI	100%
137	21/12	215/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty than Núi Hồng-VVMI	100%
138	21/12	216/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung xin biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 Công ty CP Than-Điện Nông Sơn-TKV	100%
139	21/12	218/NQ-HĐQT	Thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2023 điều chỉnh Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
140	21/12	219/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2023 điều chỉnh Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
141	25/12	221/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội năm 2024	100%
142	25/12	222/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh giấy phép khai thác (GPKT) đá vôi làm nguyên liệu xi măng	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
143	25/12	223/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh dự án: Bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I-Công ty than Na Dương.	100%
144	25/12	224/NQ-HĐQT	Thông qua TGD rà soát Đề án tái cơ cấu Tổng công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP giai đoạn 2021-2025	100%
145	26/12	225/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch năm 2024	100%
146	26/12	226/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh Dự án: Bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I-Công ty than Na Dương	100%
147	26/12	227/QĐ-HĐQT	Ban hành Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 của Tổng Công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
148	29/12	229/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao KH PHKD năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
149	29/12	230/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2023	100%
150	29/12	231/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao đơn giá tiền lương 2024 Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
151	29/12	232/NQ-HĐQT	Thông qua việc tuyển dụng lao động năm 2024 của Tổng công ty	100%
152	29/12	233/QĐ-HĐQT	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
153	29/12	234/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2023	100%
154	29/12	235/QĐ-HĐQT	Tạm giao đơn giá tiền lương 2024 Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2023, Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức SXKD, theo đó tập trung vào các nội dung sau: tăng cường quản lý điều hành các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ từ khâu thiết kế, tổ chức thi công, nghiệm thu sản phẩm, tận thu tối đa tài nguyên; tổ chức điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động; tập trung quản lý giá cả đầu vào, chủ động điều hành dòng tiền, trả gốc trước hạn giảm chi phí lãi vay, cụ thể:

- Chấp hành kỷ luật điều hành, sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch ghi trong Nghị quyết ĐHCĐ. Trên cơ sở đó Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị trong Tổng công ty bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành kế hoạch năm 2023 của Tổng công ty.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Thực hiện cơ chế phối hợp sản xuất kinh doanh, các công ty tự chịu trách nhiệm về công tác khoán quản

trị chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình theo pháp luật hiện hành.

- Tăng cường triển khai áp dụng cơ giới hóa, tin học hóa và tự động hóa vào sản xuất và quản lý, cụ thể như sau: Thực hiện chữ ký số tại văn phòng cơ quan Tổng công ty; Tự động chấm chuyển xe ô tô vận chuyển than, đất công ty than Na Dương, Khánh Hòa; Tự động hoá hệ thống phun sương áp mái kho than cấp cho nhà máy nhiệt điện Công ty than Na Dương.

- Thực hiện mua sắm vật tư đúng quy định, đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh. Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng và tồn kho vật tư ở tất cả các đơn vị, kết quả đạt được trong năm 2023 là giá trị tồn kho vật tư toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 3,6% trên tổng số giá trị xuất kho trong năm và đạt thấp hơn mức quy định.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tổng công ty an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn Tổng công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, tăng cường công tác tu hồi công nợ, nhằm giảm nợ và tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP MVB (%)	Ghi chú
1	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban	0 %	
2	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên	0 %	
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0,0028%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

* Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm BKS đã tổ chức 8 cuộc họp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của BKS như xây dựng kế hoạch công tác và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của Tổng công ty, cụ thể:

- + Lần 1, họp thống nhất việc lập kế hoạch công tác năm 2023;
- + Lần 2, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý IV và năm 2022 (Trước KT);
- + Lần 3, họp Thẩm định BCTC năm 2022 của Tổng công ty;
- + Lần 4, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2022 (sau KT);
- + Lần 5, họp thống nhất nội dung báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- + Lần 6, họp thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2023;
- + Lần 7, họp sau khi kết thúc hoạt động SXKD và lập Báo cáo tài chính của quý II và 6 tháng đầu năm 2023;

+ Lần 8, họp sau khi kết thúc hoạt động SXKD và lập Báo cáo tài chính của quý III và 9 tháng đầu năm 2023.

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

*** Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm 2023, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát theo các nội dung được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023; các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty, quy định của Pháp luật. BKS đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể như sau:

+ Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Tổng công ty để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động thực tế tại các bộ phận đơn vị trong Tổng công ty, nhằm kiểm soát hoạt động của các đơn vị đảm bảo tuân theo quy định của Pháp luật cũng như định hướng của ĐHĐCĐ. Qua đó, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

+ Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và quy mô phát triển của Tổng công ty. Chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành.

+ Năm 2023, BKS thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động đề ra đồng thời phối hợp với Ban lãnh đạo và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, công tác thuê ngoài, công tác đầu tư, quản lý kho than, công nợ phải thu của khách hàng,.... Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng Tổng công ty và chi nhánh của Tổng công ty. Kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của số liệu báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

+ BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin. Xem xét thư quản lý của Công ty TNHH kiểm toán BDO và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Tổng công ty.

+ Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

+ Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, với

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Tổng công ty.

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể, các Thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần hành mình được phân công; kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ của các hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty. Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng công ty./.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Tiền lương quyết toán năm 2023:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương năm 2023 (đồng)	Tiền lương bq năm 2023 (đồng/tháng)
1	Trịnh Hồng Ngân	Tổng giám đốc	612.390.000	51.032.500
2	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	550.800.000	45.900.000
3	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	546.268.509	45.522.376
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	550.800.000	45.900.000
5	Phạm Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	546.841.909	45.570.159
6	Nguyễn Thạc Tân	Phó Tổng giám đốc	551.190.000	45.932.500
7	Lê Minh Hiền	Kế toán trưởng	510.390.000	42.532.500
8	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban KS	571.200.000	47.600.000
	Tổng cộng		4.439.880.418	

b) Thù lao Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2023:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao năm 2023 (đồng)	Tiền thù lao bq năm 2023 (đồng/tháng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74.400.000	6.200.000
2	Trịnh Hồng Ngân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
3	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
4	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên Ban KS	60.000.000	5.000.000
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban KS	60.000.000	5.000.000
	Tổng cộng		324.000.000	

c) Phụ cấp thành viên độc lập HĐQT năm 2023:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền phụ cấp năm 2023 (đồng)	Tiền phụ cấp bq năm 2023 (đồng/tháng)
1	Phạm Văn Lỗ	Thành viên độc lập HĐQT	324.000.000	27.000.000
	Tổng cộng		324.000.000	

- d) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- e) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: như biểu chi tiết kèm theo.
- g) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP vào ngày 31/12/2023. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã công bố thông tin theo quy định gồm:*

- Báo cáo tài chính năm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, Ban KS (e-copy);
- Tổng GD, Các PTGD (e-copy);
- Các phòng Tổng công ty (e-copy);
- Lưu: VT. Thư ký Tcty (T.03)



**Người đại diện theo Pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Hồng Ngân

GIAO DỊCH NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY 31/12/2023
(Báo cáo thường niên năm 2023 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP)

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Cổ đông lớn	Hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến than năm 2023 số 36/2023/HĐKD ngày 10/1/2023	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng dịch vụ giao nhận than số 237/HĐDV/TKV-VVMI ngày 29/12/2022	
			Hợp đồng mua bán than năm 2023 số 218/HĐ/TKV-VVMI ngày 29/12/2022	
2	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin – Chi nhánh TKV	Người có liên quan của cổ đông	Hợp đồng mua bán than năm 2023 số 20/2023/HĐ/KVCP-CNMVB ngày 01/01/2023	
	Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin - Chi nhánh TKV	Người có liên quan của cổ đông	Hợp đồng huấn luyện thường xuyên, thường trực giải quyết sự cố; kiểm tra phòng ngừa sự cố trong khai thác than-Khoáng sản năm 2023 số 87/HĐ-KTKH ngày 16/1/2023 với giá trị HĐ là 3.195.794.800 đồng	
	Ban Quản lý dự án chuyên ngành mỏ than-TKV	Người có liên quan của cổ đông	HĐ tư vấn giám sát thi công số 158/HĐ-KTKH ngày 31/01/2023 với giá trị HĐ là 254.298.557 đồng	
	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông	HĐ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng số 1101/HĐ-KTKH ngày 12/6/2023 với giá trị HĐ là 884.516.909 đ	
	Viện Khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông	HĐ tư vấn lập PAKT-dự toán: Quan trắc dịch động bãi thải Mỏ than Na Dương năm 2023 số 510/HĐ-KTKH ngày 22/3/2023 với giá trị HĐ là 3.776.468 đồng	
HĐ tư vấn lập PAKT-dự toán: Quan trắc dịch động bờ trụ via 4 Mỏ than Na Dương năm 2023 số 512/HĐ-KTKH ngày 22/3/2023 với giá trị HĐ là 13.552.801 đồng				
HĐ tư vấn lập PAKT-dự toán: Quan trắc dịch động bãi thải Mỏ than Khánh Hòa năm 2023 số 513/HĐ-KTKH ngày 22/3/2023 với giá trị HĐ là 6.979.189 đồng				

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			HD thi công quan trắc dịch động bờ trụ vỉa 4 Mỏ than Na Dương năm 2023 số 1045/HĐ-KTKH ngày 05/6/2023 với giá trị HĐ là 617.584.365 đồng	
			HD thi công quan trắc dịch động bãi thải Mỏ than Khánh Hòa năm 2023 số 1046/HĐ-KTKH ngày 05/6/2023 với giá trị HĐ là 314.627.894 đồng	
			HD thi công quan trắc dịch động bãi thải Mỏ than Na Dương năm 2023 số 1048/HĐ-KTKH ngày 05/6/2023 với giá trị HĐ là 178.235.174 đồng	
	Công ty CP Tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông	HD thi công đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1/1000 Mỏ than Núi Hồng năm 2023 số 1047/HĐ-KTKH ngày 05/6/2023 với giá trị HĐ là 170.315.335 đồng	
			HD thi công lập PAKT-dự toán đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1/1000 Mỏ than Núi Hồng năm 2023 số 511/HĐ-KTKH ngày 22/3/2023 với giá trị HĐ là 3.758.634 đồng	
	Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Người có liên quan của cổ đông	HD huấn luyện thường xuyên, thường trực giải quyết sự cố; kiểm tra phòng ngừa sự cố trong khai thác Than-Khoáng sản năm 2023 số 87/HĐ-KTKH ngày 16/1/2023 với giá trị HĐ là 3.195.794.800 đồng	
3	Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới GPKT số 3226 mỏ Núi Hồng số 23/HĐ-KTKH ngày 06/1/2023 với giá trị hợp đồng là 170.481.581 đồng	
			Hợp đồng lập báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới GPKT số 3226/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 khu mỏ Núi Hồng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên số 687/HĐ-KTKH ngày 14/4/2023 với giá trị hợp đồng là 1.106.851.027 đồng	
			Hợp đồng thi công Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi GPKT số 3226/GP-BTNMT mỏ than Núi Hồng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên số 1110/HĐ-KTKH ngày 13/6/2023 với giá trị hợp đồng là	

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			279.105.865 đồng	
	Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa - TKV		HĐ mua bán cám sét số 4018 HĐ/CĐTH-TND ngày 18/10/2023 với giá trị HĐ là 87.733.307 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
4	Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước số: 3229/HĐMB/TKH - XMLH ngày 31/12/2022 với giá trị HĐ là 4.404.000.000đ.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
5	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2023 số 2464/HĐ-KTKH ngày 31/12/2022	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng mua bán đá vôi thải số: 138 /HĐ/ XMQT - TKH ngày 01/2/2023 với giá trị HĐ là 27.317.080.000đ.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua bán đá sét thải số 142 /HĐ/ XMQT - TKH ngày 02/02/2023 với giá trị HĐ là 559.000.000đ.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua bán đá thải sau tuyển nước số 139/HĐ/ XMQT-TKH ngày 02/02/2023 với giá trị hợp đồng là 3.118.582.500đ.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng vận chuyển than Núi Hồng bằng đường sắt số 102/HĐKT ngày 30/12/2022 giá trị HĐ là 1.800.000.000 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng 6 tháng đầu năm số 101/HĐMB/NH-QT ngày 02/01/2023 giá trị là 21.453.500.000 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng 6 tháng cuối năm số 806/HĐMB/NH-QT ngày 08/6/2023 giá trị là 21.232.950.000 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
6	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2023 số 2465/HĐ-KTKH ngày 31/12/2022	Hợp đồng nguyên tắc

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng 6 tháng đầu năm số 23.02.24.NH/HĐ-CTQ ngày 24/2/2023, giá trị HĐ là 10.325.500.000 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng 6 tháng cuối năm số 23.72.24.NH/HĐ-CTQ ngày 24/7/2023, giá trị HĐ là 10.219.350.000 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
7	Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Công ty con	Hợp đồng số 642 /HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 14/3/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773F số 30 với giá trị HĐ là 3 718 986 509 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 693 /HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 20/3/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773F số 31 với giá trị HĐ là 3 734 512 566 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 753 /HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 21/7/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773F số 33 với giá trị HĐ là 3.701.363.319 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa- VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1258/HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 22/5/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 37 với giá trị HĐ là 3.838.013.356 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1222/HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 18/5/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465 -7R số 40 với giá trị HĐ là 3.719.956.453 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1636 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 26/6/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465-7R số 44 với giá trị HĐ là 3.775.399.621 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1675 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 29/6/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 53 với giá trị HĐ là 2.257.544.778 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 2166 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 17/8/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 54 với giá trị HĐ là 2.220.433.286 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng số 2323 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 06/9/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 55 với giá trị HĐ là 2.134.883.652 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1119/HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 05/5/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe HOWO số 61 với giá trị HĐ là 516.073.909 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1677 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 29/6/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe HOWO số 62 với giá trị HĐ là 458.762.465 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 2198 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 21/8/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe HOWO số 65 với giá trị HĐ là 480.077.342 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 926 /HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 10/4/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe máy xúc Hitachi EX1200 số 2; với giá trị HĐ là 4.186.330.156 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 2197/HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 21/8/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe máy xúc Hitachi ZA870 số 1; với giá trị HĐ là 3.567.065.334 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 2544 /HĐ/TKH-CKM/2023 ngày 29/9/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe máy xúc Hitachi ZA870 số 2; với giá trị HĐ là 3.731.707.666 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 436 /HĐ/TKH - CKM/2023 ngày 20/2/2023 về việc sửa chữa trung đại tu xe ô tô Howo số 60 với giá trị HĐ là 545 194 835 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ về việc sửa chữa xe ô tô Howo 371 số 24 số 02/HĐ/CKM-TNH/2023 ngày 3/3/2023, giá trị HĐ là 522.383.458 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ về việc sửa chữa xe ô tô Howo 371 số 25 số 03/HĐ/CKM-TNH/2023, giá trị HĐ là 578.460.990 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng dịch vụ về việc sửa chữa xe ô tô CAT 773E số 45 số 04/HĐ/CKM-TNH/2023, giá trị hợp đồng là 3.068.002.146 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ về việc sửa chữa xe ô tô KIA biển kiểm soát 20K-8122 số 01/HĐ/CKM-TNH/2023 ngày 1/3/2023, giá trị HĐ là 13.063.390 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 0131/HĐ-VT ngày 10/1/2023 về việc mua vật tư với giá trị HĐ là 182.400.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 0183/HĐ-VT ngày 12/1/2023 về việc mua vật tư với giá trị HĐ là 35.900.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 0796/HĐ-VT ngày 05/3/2023 về việc mua vật tư với giá trị HĐ là 14.000.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1017/HĐ-TND/CKM/2023 ngày 16/3/2023 về việc trung đại tu xe CAT số 47 với giá trị HĐ là 3.740.940.643 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1180/HĐ-TND/CKM/2023 ngày 29/3/2023 về việc trung đại tu xe CAT số 46 với giá trị HĐ là 3.778.405.543 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1540/HĐ-TND/CKM/2023 ngày 21/4/2023 về việc trung đại tu xe CAT số 49 với giá trị HĐ là 3.778.618.790 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1640/HĐ-TND/CKM/2023 ngày 28/4/2023 về việc trung đại tu xe CAT số 48 với giá trị HĐ là 3.825.095.250 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 1756/HĐ-TND ngày 10/5/2023 về việc trung đại tu máy xúc Hitachi số 4 với giá trị HĐ là 4.108.257.784 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
8	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI		Hợp đồng số 2171/HĐ-CDAT ngày 07/6/2023 về việc sửa chữa máy doa xách tay Climax với giá trị HĐ là 25.520.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 2194/HĐ/TND-CKM/2023 ngày 09/6/2023 về việc trung đại tu máy xúc EKG - 5A số 3 với giá trị HĐ là 2.554.052.318	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 3837/HĐ-CDAT ngày 03/10/2023 về việc sửa chữa Block động cơ với giá trị HĐ là 19.602.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
		Công ty con	Hợp đồng thi công sửa chữa máng nước nhà ăn số 607/HĐ-KTKH ngày 03/4/2023 với giá trị HĐ là 43.301.089 đồng	
			Hợp đồng dịch vụ về việc sửa chữa máy xúc Hyundai 140LC-9S số 1, số 2196/HĐ/APLUCO-TNH/2023 ngày 25/9/2023, giá trị HĐ là 842.393.793 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 0056/HĐ-VT ngày 05/1/2023 về việc mua vật tư với giá trị HĐ là 150.650.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng số 3044/HĐ/TND-BAL/2023 ngày 09/8/2023 về việc trung đại tu máy gạt D7R1 với giá trị HĐ là 2.535.908.821 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu Gạt san CAT 14M số 2 số HĐ 2608/TKH- CKAL /2023, ký ngày 04 tháng 10 năm 2023 với giá trị HĐ là 2.089.259.870 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu xe cấp dầu số 1 số HĐ 2210/HĐ /TKH- CKAL /2023, ký ngày 22/8/ 2023 với giá trị HĐ là 441.630.022 đồng.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
Hợp đồng sửa chữa trung đại tu xe cấp dầu Dongfeng số 2: 958 /HĐ /TKH- CKAL /2023, ký ngày 13 tháng 4 năm 2023 với giá trị HĐ là 355.918.055đ.	HĐ do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết			

TT	Đơn vị/cá nhân thực hiện giao dịch với Tổng công ty	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
9	Công ty CP Vật liệu XD và KDTH - VVMI	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc thuê vận chuyển than bằng đường sắt số 19/HĐKT ngày 16/1/2023	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
10	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên -VVMI	Công ty con	Hợp đồng Dịch vụ tổ chức thăm quan du lịch cho cán bộ nhân viên năm 2023 số 918/HĐ-KTKH ngày 18/5/2023 với giá trị HĐ là 1.083.280.000 đồng	
			Hợp đồng du lịch thăm quan tại Ninh Thuận số 62/HĐ-CCDV ngày 19/6/2023 giá trị HĐ là 1.141.243.636 đồng	HĐ do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết
			Hợp đồng mua sữa bồi dưỡng độc hại số 4238/TND-KSTN ngày 28/12/2022 giá trị HĐ là 502.705.000 đồng	HĐ do Công ty than Na Dương-VVMI (là chi nhánh trực thuộc TCT) ký kết